

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 29/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
toà xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 256/2020/TLST - HNGĐ ngày
15/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-
HNGĐ ngày 14/01/2021, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị **Tống Thị H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị H và anh T vắng mặt có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai và đề nghị xử vắng mặt ngày 10/11/2020,
chị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh T vào ngày 03/6/1997 có đăng ký
kết hôn tại UBND xã S, huyện N là hôn nhân tự nguyện. Đến năm 1998 do điều kiện
kinh tế khó khăn, chị đi lao động xuất khẩu ở MaLaySia. Khi hết hạn lao động xuất
khẩu thì chị về quê sống cùng anh T và con. Trong thời gian đi lao động xuất khẩu chị

vẫn thường xuyên gửi tiền về để anh T nuôi con và kiến thiết nhà cửa với số tiền là 250.000. 000 đồng, nhưng anh T không kiến thiết nhà cửa mà dùng số tiền này để uống rượu. Trong cuộc sống anh T vẫn thường xuyên uống rượu rồi đe dọa, đánh đập chị nhiều lần, đến năm 2015 do không chịu đựng được nên chị H và anh T sống ly thân, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Bùi Thị H, sinh ngày 09/11/2001 hiện nay đã trưởng thành tự lập (đã lập gia đình riêng) nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tiền 250.000.000 đồng, trước đây chị đi xuất khẩu lao động gửi về cho anh T để sửa sang nhà cửa, chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến anh T: Tại bản tự khai ngày 14/01/2021, anh xác định đúng như lời khai của chị H về thời gian kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Về tình cảm: Anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung : Anh nhất trí như ý kiến của chị H.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Thuần xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử giải quyết việc ly hôn vắng mặt chị H và anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa chị Tống Thị H và anh Bùi Văn T. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị H, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị H chấp hành đầy đủ. Anh T không chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ của đương sự. Đến ngày 14/01/ 2021, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Tống Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau vào ngày 03/6/1997 đăng ký tại UBND xã S, huyện N là hôn nhân tự nguyện. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên uống rượu say rồi đánh chửi vợ con, đến năm 2015 chị H và anh T sống ly thân khi chị H làm đơn xin ly hôn anh. Tòa án đã thông báo cho anh T biết nhưng anh vẫn không đến Tòa để viết bản tự khai và hòa giải. Đến ngày 14/01/2021 Tòa án đã triệu tập

anh T đến Ủy ban nhân dân xã S đề làm việc. Từ thực tế chị H và anh T từ khi sống ly thân hai người cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đây là bằng chứng, xác định tình cảm vợ chồng chị H và anh T không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, Xử lý hôn giữa chị H và anh T là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Về con chung: Xét thực tế chị H và anh T có một con chung là cháu Bùi Thị H, sinh ngày 09/11/2001, hiện nay đã trưởng thành tự lập được nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết về con chung

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Tống Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Không giải quyết về con chung.

3. Về án phí ly hôn: Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/ 0000670 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, Tống Thị H và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã S.
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực